

Hệ giá trị Việt Nam nhìn từ kết quả khảo sát 2014: thực trạng và đề xuất

Trần Ngọc Thêm*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài 27.2.2015, ngày chuyển phản biện 6.3.2015, ngày nhận phản biện 8.4.2015, ngày chấp nhận đăng 13.4.2015

Từ kết quả của một cuộc điều tra được tiến hành năm 2014 trên phạm vi cả nước, bài báo rút ra kết luận, để phát triển đất nước cần xác định được hệ giá trị định hướng bao gồm các giá trị truyền thống cơ bản cần bảo tồn và các giá trị tinh hoa nhân loại cần bổ sung. Trong giai đoạn trước mắt, cần đặc biệt chú trọng bổ sung 5 cặp giá trị tinh hoa của nhân loại: dân chủ và pháp quyền, nhân ái và yêu nước, trung thực và bản lĩnh, trách nhiệm và hợp tác, khoa học và sáng tạo. Các giá trị cần bổ sung này sẽ giúp khắc phục những thói hư tật xấu cơ bản ở con người và các tệ nạn chủ yếu trong xã hội. Cùng với các giá trị truyền thống được bảo tồn, các giá trị này sẽ đảm bảo cho đất nước phát triển một cách bền vững.

Từ khóa: hệ giá trị.

Chỉ số phân loại 5.11

THE VIEW OF VIETNAM VALUE SYSTEM FROM THE SURVEY RESULTS IN 2014: CURRENT SITUATION AND PROPOSALS

Summary

From the results of a survey conducted nationwide in 2014, the article concluded that, to develop the country, it is necessary to identify the oriented value system including the basic traditional values which need to be preserved and the humanity elite values which need to be supplemented. In the immediate future, it requires to pay special attention to the 5 pairs of elite values of humanity: rule of law and democracy, humanity and patriotism, honesty and bravery, responsibility and cooperation, science and creation. These values will help to overcome the basic bad habits in human and the main evils in society. Along with the preserved traditional values, these values will ensure Vietnam to develop in a sustainable way.

Keyword: value system.

Classification number 5.11

Mở đầu

Đến nay, đã có nhiều ý kiến về những giá trị hoặc hệ giá trị thực tế cốt lõi của Việt Nam được đề xuất hoặc nhắc đến¹. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng hệ thống 5 đặc trưng bản sắc đã được trình bày trong ấn phẩm “Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng” do Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ xuất bản năm 2013 như một giả thuyết nghiên cứu. Trong truyền thống, 5 đặc trưng bản sắc (tính cộng đồng làng xã, tính trọng âm, tính ưa hài hòa, tính kết hợp, tính linh hoạt) đã biến động từ khi bắt đầu tiếp xúc với phương Tây, rồi biến động mạnh hơn khi giao lưu tiếp biến với văn hóa XHCN vào những năm 1954-1986. Từ sau đổi mới đến nay, khi mà sự xung đột giữa tính nông nghiệp - nông thôn trong truyền thống và tính công nghiệp - đô thị mà Việt Nam đang hướng tới trong giai đoạn toàn cầu hoá và hội nhập trở nên nghiêm trọng thì hệ giá trị truyền thống này đang biến động mạnh mẽ hơn bao giờ hết, nó cũng trở thành nguồn sinh ra các tật xấu.

Để kiểm tra mô hình giả thuyết, cần có sự điều tra khảo sát trên thực tế để kiểm chứng. Cho đến nay, đã có nhiều cuộc điều tra giá trị hoặc định hướng giá trị Việt Nam được tiến hành, trong đó đáng chú ý là những cuộc điều tra của các đề tài thuộc các chương trình nghiên cứu cấp nhà nước: KX07 (1991-1995), KHXH04 (1996-2000), KX05 (2001-2005) và nhiều nghiên cứu khác. Các cuộc điều tra này có nội dung hết sức đa dạng, và do vậy mà có kết quả

¹ Chẳng hạn như: Đào Duy Anh (1938); Nguyễn Văn Huyền (1944); Nguyễn Hồng Phong (1963); Trần Văn Giàu (1980); Claude Falazzoli (1981); Phan Ngọc (1994); Trần Ngọc Thêm (1996, 2001, 2013); Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII (1998)...., cùng các báo cáo trong nhiều hội thảo từ những năm 1980 trở lại đây.

*Email: ngocthem@gmail.com

rất phong phú và hữu ích. Đề tài này đặt mục tiêu khai thác tối đa những kết quả của các cuộc điều tra đã được tiến hành (tuy do dung lượng có hạn nên điều đó chưa thể hiện trong bài viết này), đồng thời khắc phục những hạn chế của chúng.

Trên cơ sở chủ trương khai thác tối đa kết quả và tiếp thu điểm mạnh của các cuộc điều tra đã được thực hiện trong thời gian qua, bảng hỏi được chúng tôi xây dựng hướng vào việc điều tra bổ sung những nội dung xét thấy còn thiếu và khắc phục những nhược điểm của các cuộc điều tra đã tiến hành.

Cuộc điều tra được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 9.2014, trên phạm vi cả nước với quy mô số phiếu phát ra khoảng 6.500 phiếu và số phiếu thu về là 6.062 phiếu. Sau khi kiểm tra sơ bộ, chúng tôi đã loại bỏ 458 phiếu không đạt yêu cầu do rơi vào 1 trong 4 trường hợp sau: (1) Bỏ trống không trả lời từ 3 câu trở lên; (2) Trả lời sai yêu cầu từ 3 câu trở lên; (3) Chọn hù họa từ 3 câu trở lên; (4) Phiếu trả lời giống nhau có dấu hiệu sao chép từ 3 câu trở lên. Số phiếu còn lại đưa vào xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS là 5.604 phiếu.

Cơ cấu mẫu của cuộc điều tra như sau:

- Theo vùng địa lý và nơi cư trú: Bắc Bộ chiếm 35,3%, Trung Bộ chiếm 30,5%, Nam Bộ chiếm 34,2%; khu vực miền núi chiếm 16,6%, khu vực nông thôn chiếm 45,3%, khu vực đô thị chiếm 38,1%.

- Theo độ tuổi và giới tính: từ 15-29 chiếm 44,9%, từ 30-49 chiếm 44,5%, từ 50-74 chiếm 10,6%; nam chiếm 49,4%; nữ chiếm 50,6%.

- Theo trình độ học vấn và nghề nghiệp: THCS (người lớn có học vấn thấp) chiếm 4,5%, THPT 27,9%, đại học chiếm 58,4%, sau đại học chiếm 9,2%; là học sinh/sinh viên chiếm 15,9%, nông dân 18,8%, công nhân 21,2%, công chức/viên chức 26,3%, trí thức khác 6,6%, doanh nhân/tiểu thương 9,1%, nghề khác 2,1%.

- Theo thu nhập bình quân: dưới 2 triệu đồng chiếm 11,2%, từ 2 đến dưới 4 triệu đồng: 38,3%, từ 4 đến dưới 6 triệu đồng: 32,1%, từ 6 đến dưới 9 triệu đồng: 12,4%, từ 9 triệu đồng trở lên: 6,0%.

Trong việc xác định thành phần đối tượng khảo sát, chúng tôi không đặt nặng các tiêu chí dân tộc, tôn giáo mà giả định rằng đại diện các tộc ít người đương nhiên hiện diện trong nhóm đối tượng thuộc khu vực miền núi và ngoài ra còn có mặt trong các nhóm đối tượng còn lại theo tỷ lệ tự nhiên thực có. Tương tự, chúng tôi cũng giả định rằng 5.604 người tham gia trả lời sẽ phủ kín các tôn giáo cơ bản theo

tỷ lệ tự nhiên hiện hữu.

Kết quả điều tra khảo sát

Về các giá trị phổ biến trong cuộc sống

Câu hỏi 1 trong bảng điều tra yêu cầu chọn 7 giá trị quan trọng phổ biến trong cuộc sống từ danh sách 21 lựa chọn. Kết quả cho thấy, 7 giá trị có số phiếu trả lời cao hơn cả và cũng xuất hiện nhiều lần trong 7 ưu tiên theo thứ tự là: *Hạnh phúc*, *Việc làm*, *Công bằng*, *Giàu có* (nhiều tiền), *Nhà riêng*, *Tình nghĩa* và *Trung thực* (xem bảng 1).

Bảng 1: 7 giá trị quan trọng phổ biến trong cuộc sống người Việt (N = 5.595; 21 lựa chọn)

STT	7 điều quan trọng trong cuộc sống	Số lượng	%	Số lần xuất hiện trong 7 ưu tiên	Giữ vị trí số 1 trong các ưu tiên
1	Hạnh phúc (gia đình)	4.641	82,9	7	1
2	Việc làm (ổn định)	4.218	75,4	4	2,3,4
3	Công bằng (xã hội)	2.989	53,4	6	5
4	Giàu có (nhiều tiền)	2.923	52,2	3	-
5	Nhà riêng (có sân/vườn)	2.516	45,0	3	-
6	Tình nghĩa	2.480	44,3	5	6
7	Trung thực	2.388	42,7	5	-

Đứng đầu trong 7 giá trị được chọn, “Hạnh phúc (gia đình)” thuộc lĩnh vực tinh thần có số phiếu cao áp đảo (82,9%), chiếm vị trí số một trong ưu tiên 1, xuất hiện 7 lần trong cả 7 ưu tiên. Đứng thứ hai là “Việc làm (ổn định)” thuộc lĩnh vực vật chất với số phiếu 75,4%, xuất hiện 4 lần trong 7 ưu tiên, chiếm vị trí số một trong các ưu tiên 2, 3, 4. Kết quả này phù hợp ở mức độ cao với số liệu của cuộc điều tra giá trị thế giới thực hiện tại 43 quốc gia trong các năm 1990-1993: theo đó, giá trị “gia đình” dẫn đầu với 83%, “việc làm” đứng thứ hai với 60% [1].

Trong 7 giá trị quan trọng phổ biến trong cuộc sống mà người Việt Nam lựa chọn, các giá trị tinh thần có số lượng nhiều hơn (4/7) và được đánh giá cao hơn: sau “Hạnh phúc (gia đình)” là “Công bằng (xã hội)” với 53,4% số phiếu, chiếm vị trí số một trong ưu tiên 5; xuất hiện 6 lần trong 7 ưu tiên. “Công bằng (xã hội)” nói đến ở đây không đồng nhất với “bình đẳng (xã hội)”. *Bình đẳng* là sự ngang bằng nhau giữa người với người về mọi phương diện hoặc một phương diện xã hội nào đấy; còn *công bằng* là sự tương thích một cách hợp lý giữa cống hiến và hưởng thụ (cống hiến ngang nhau thì hưởng thụ ngang nhau) [2]. Như vậy, công bằng xã hội không chỉ hướng tới “thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, giảm bớt sự chênh lệch giữa thành thị với nông thôn, miền xuôi với miền núi” [3] mà trước hết đòi hỏi tiêu

diệt chủ nghĩa bình quân cũng như quốc nạn tham nhũng cùng những kẻ lợi dụng địa vị và các mối quan hệ để hưởng đặc quyền đặc lợi, nghiêm trị những kẻ buôn gian bán lận. Xã hội công bằng là xã hội có làm có hưởng, người làm nhiều phải được hưởng nhiều; là xã hội không dung dưỡng cho những kẻ “ngồi mát ăn bát vàng”, trong khi những người lao động trung thực thì phải chật vật mưu sinh và sống trong nghèo khó. Xã hội thiếu công bằng sẽ triệt tiêu động cơ của sự phát triển. Đó chính là lý do vì sao giá trị “công bằng” được 53,4% số người trả lời quan tâm.

Hai giá trị tinh thần đứng đầu - một là “Hạnh phúc” cho cá nhân, một là “Công bằng” cho xã hội - là một cặp đôi hợp lý. Hai giá trị tinh thần còn lại (Tình nghĩa và Trung thực) cũng rất được coi trọng. Chúng xuất hiện tới 5 lần trong 7 ưu tiên, chúng thể hiện quan hệ giữa người với người và thể hiện rõ tính đặc thù văn hóa của một dân tộc với lối sống trọng tình và sự bức xúc của một xã hội mà bệnh giả dối đang lan tràn.

Trong 3 giá trị vật chất hoặc mang tính vật chất thì sau “Việc làm” là “Giàu có (nhiều tiền)” (52,2%) và “Nhà riêng (với sân/vườn)” (45,0%). Hai giá trị này xuất hiện 3 lần trong 7 ưu tiên và không chiếm vị trí số một trong bất kỳ ưu tiên nào. “Nhà riêng (với sân/ vườn)” phản ánh rõ nét tàn tích của một truyền thống văn hóa nông dân - nông nghiệp. Điều này càng rõ khi mà mơ ước về “Căn hộ chung cư cao cấp” chỉ chiếm có 5,7% và đứng ở vị trí cuối bảng (thứ 20/21, lựa chọn thứ 21 là “Giá trị khác”). Tuy chiếm 45,0%, nhưng “Nhà riêng (với sân/vườn)” là một giá trị sẽ có xu hướng phai nhạt vì không phù hợp với xã hội công nghiệp - đô thị tương lai: khi mà đô thị ngày càng lớn mạnh và việc quản lý đô thị ở Việt Nam đi vào nề nếp hơn thì chắc chắn là ước mơ “nhà riêng với một mảnh sân/vườn” sẽ được thay thế bằng tư duy về “chỗ ở” hợp lý và tiện nghi. Nó cần được loại bỏ.

Trong 6 giá trị còn lại, “Tình nghĩa” và “Trung thực” là hai giá trị thuộc về tính cách, sẽ được bàn đến trong phần sau. Còn lại 4 giá trị, gồm 2 giá trị tinh thần là “Hạnh phúc” - “Công bằng” và 2 giá trị mang tính vật chất là “Việc làm” - “Giàu có” có thể đưa vào danh sách các giá trị định hướng cốt lõi phổ biến được quan tâm nhiều nhất ở người Việt Nam. Trong đó, “Giàu có” là giá trị vật chất thiên về cá nhân, thay bằng “Giàu mạnh” sẽ có tính khái quát cao hơn và phù hợp được với cả cá nhân và xã hội.

Trên đây là những giá trị phổ biến được quan tâm nhiều nhất, có nghĩa là trong hệ giá trị định hướng cốt lõi còn có những giá trị phổ biến khác, thậm

chí có thể là những giá trị cực kỳ quan trọng, mà do những lý do khác nhau không được rơi vào “tầm ngắm” của sự quan tâm, chẳng hạn như niềm tin (con người không thể sống thiếu niềm tin). Niềm tin là giá trị thuộc loại quan trọng nhất nhưng nó không nằm trong tiêu điểm của sự quan tâm là vì: (1) Bên cạnh niềm tin vào xã hội, còn có niềm tin vào bản thân và gia đình, người thân làm chỗ dựa; (2) Niềm tin là giá trị tổng hợp của tất cả các giá trị khác nên nó sẽ tự động hiện hữu khi các giá trị khác trường tồn.

Về các phẩm chất tốt

Để đảm bảo được sự tiếp nối của văn hóa, bộ phận chủ yếu (chiếm đa số) của một hệ giá trị định hướng cốt lõi phải là các giá trị văn hóa truyền thống cần bảo lưu gìn giữ. Câu hỏi 17 trong bảng điều tra yêu cầu chọn không hạn chế những phẩm chất mà người Việt Nam hiện có trong danh sách 35 lựa chọn. Kết quả cho thấy, có 18 phẩm chất đạt từ 30% tổng số phiếu trả lời trở lên cần được gìn giữ và phát huy (chúng được xếp theo 5 đặc trưng ở bảng 2).

Xem xét các đặc trưng theo tỷ số phần trăm trung bình, ta thấy vai trò chi phối tính cách con người Việt Nam ở mức cao nhất thuộc về nhóm tổng hợp (gồm 2 phẩm chất “Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc” và “Lòng nhân ái, thương người”) với tỷ lệ trung bình là 66,3%, kế đến là tính cộng đồng làng xã với tỷ lệ trung bình là 53,6%. Theo sau lần lượt là: tính trọng âm 49,4%; tính ưa hài hòa 46,2%; tính linh hoạt 40,2%; và cuối cùng là tính kết hợp 37,4% (xem bảng 2).

Bảng 2: 18 phẩm chất tốt đạt trên 30% số phiếu trả lời xếp theo 5 đặc trưng (N = 5.596; 35 lựa chọn)

Người Việt hiện nay có những phẩm chất (chọn không hạn chế)	Số lượng	% số phiếu trả lời	% trung bình phiếu trả lời theo đặc trưng
Tình đoàn kết Tính dân chủ làng xã Tính trọng thể diện Lòng biết ơn Tính tập thể	3.823 2.104 3.017 3.225 2.838	68,3 50,7 53,9 57,6 37,6	I- Tính cộng đồng làng xã 53,6%
Tính ưa ổn định Tính hiếu hòa, bao dung Sức chịu đựng cao, tính nhẫn nại Lòng hiếu khách Tính ưa ổn định	2.469 2.405 2.770 3.709 2.469	44,1 43,0 49,5 66,3 44,1	II- Tính trọng âm 49,4%
Tính vui vẻ, lạc quan Tính thực tế	2.910 2.345	52,0 41,9	III- Tính ưa hài hòa 46,9
Khả năng kết hợp tốt Khả năng quan hệ tốt	1.962 2.219	35,1 39,7	IV- Tính kết hợp 37,4%
Khả năng thích nghi cao Tính sáng tạo, biến báo	2.220 2.282	39,7 40,8	V- Tính linh hoạt 40,2%
Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc Lòng nhân ái, thương người	3.962 3.463	70,8 61,9	Tổng hợp I+II 66,3%

Về các tật xấu

Sự thay đổi về bối cảnh xã hội bên trong và bên ngoài, sự xung đột về hệ giá trị giữa văn hóa nông nghiệp - nông thôn truyền thống với văn hóa công nghiệp - đô thị hiện đại, sự yếu kém về quản lý cũng như những khiếm khuyết về cơ chế quản lý (mà ta thường gọi là “lỗi hệ thống”) đã trở thành mảnh đất màu mỡ cho những thói hư tật xấu nảy sinh, cho các tệ nạn phát triển. *Chìa khóa của việc chuyển đổi và xây dựng hệ giá trị* không phải nằm ở các giá trị cần bảo tồn (mặc dù đó là bộ phận chiếm số lượng chủ yếu), mà nằm ở việc xác định các tật xấu cơ bản cần loại trừ và các giá trị tinh hoa cần bổ sung thay thế. Nói cách khác, mấu chốt của việc xây dựng hệ giá trị nằm ở việc xác định những tệ nạn nào là trầm trọng nhất phải khắc phục ngay, những tật xấu nào là nghiêm trọng nhất cần phải nhanh chóng loại bỏ.

Với câu hỏi 24 về việc xác định những tệ nạn trầm trọng nhất, có 5.567 người tham gia trả lời. 5 tệ nạn trầm trọng nhất từ danh sách 15 lựa chọn được xác định là: nạn *tham nhũng* (66,6%); bệnh *quan liêu, cửa quyền* (57,6%); nạn *hối lộ* (42,4%); nạn *bạo hành, cướp giết* (37,7%); và nạn *cờ bạc, số đề* (33,6%).

Trong số 34 tật xấu được điều tra (câu hỏi 22), có 22 tật xấu có tỷ lệ trên 30% tổng số phiếu trả lời, trong đó có 15 tật xấu trên 40%, 11 tật xấu trên 50%. Bảng 3 trình bày danh sách 22 tật xấu trên 30% xếp theo hệ quả 5 đặc trưng của văn hóa Việt Nam.

Bảng 3: 22 tật xấu trên 30% xếp theo nhóm hệ quả của 5 đặc trưng (N = 5.589; 34 lựa chọn)

Người Việt hiện nay có những tật xấu (chọn không hạn chế)	Số lượng	% số phiếu trả lời	% trung bình theo đặc trưng
Bệnh thành tích	4.195	75,1	I. Hậu quả của tính cộng đồng làng xã (10): 52,6%
Thói dựa dẫm	3.145	56,3	
Bệnh nói xấu sau lưng	3.255	58,2	
Bệnh hình thức	3.186	57,0	
Bệnh sỹ diện, háo danh; chém gió	3.103	55,5	
Bệnh bè phái, không hợp tác được	2.921	52,3	
Bệnh phong trào	2.776	49,7	
Tật ham vui, thích “tám”	2.463	44,1	
Bệnh vô cảm, chặt chém	2.347	42,0	
Thói tò mò, tạo dư luận	1.989	35,6	
Bệnh dối phó	3.345	59,8	II. Hậu quả của tính trọng âm (5): 43,9%
Bệnh hách lợi	2.811	50,3	
Bệnh lể mể, chậm chạp	2.461	44,0	
Bệnh sùng ngoại	1.826	32,7	
Bệnh tự ti, thiếu bản lĩnh	1.821	32,6	
Bệnh sống bằng quan hệ	2.998	53,6	IV. Hậu quả của tính kết hợp (1): 53,6%
Bệnh thiếu ý thức pháp luật	3809	68,2	V. Hậu quả của tính linh hoạt (4): 44,8%
Thói tùy tiện, cầu thả	2.130	38,1	
Thói kiêu ngạo	2.101	37,6	
Thói khờn vặt, lấu cá	1.967	35,2	
Bệnh giả dối, nói không đi với làm	4.527	81,0	VI. Hậu quả của tổng hợp IV+V (2): 57,2%
Tật ăn cắp vặt	1.873	33,5	

Nếu xét theo nhóm thì ngoài nhóm tật xấu *tổng hợp* (gồm “Bệnh giả dối, nói không đi đôi với làm” và “Tật ăn cắp vặt”) có tỷ lệ trung bình là 57,2% và nhóm hậu quả của *tính kết hợp* với một tật xấu là “Bệnh sống bằng quan hệ” có tỷ lệ 52,6% thì nhóm hậu quả của tính *cộng đồng làng xã* là đặc trưng để lại hậu quả nặng nề nhất: nó kéo theo nhiều tật xấu nhất (10 tật xấu), các tật xấu này đều có số phiếu chọn với tỷ lệ cao nhất, trung bình là 52,6%. Tiếp theo là nhóm hậu quả của *tính linh hoạt* với 44,8%, *tính trọng âm* với 43,9%.

Nhóm hậu quả của *tính ưa hài hòa* có tỷ lệ trung bình khá thấp (23,7%) nên không có mặt trong bảng 3. Điều này cũng có nghĩa rằng, tính ưa hài hòa là một đặc trưng bản sắc ổn định của văn hóa Việt Nam cần được duy trì.

Đối chiếu danh sách 11 tật xấu có tỷ lệ trên 50% số phiếu trả lời ở câu hỏi 22 với danh sách 10 tật xấu tệ hại nhất cần cấp tốc loại trừ ở câu hỏi 23, ta thấy phần lớn các tật xấu được chọn đều trùng nhau. Lệch nhau chỉ có 3 trường hợp. Đó là bệnh *nói xấu sau lưng* và bệnh *hình thức* có trong danh sách 11 tật xấu đạt trên 50% số phiếu trả lời mà không có trong danh sách 10 tật xấu tệ hại nhất cần cấp tốc loại trừ; và ngược lại, tật *ăn cắp vặt* có trong danh sách 10 tật xấu tệ hại nhất cần cấp tốc loại trừ mà không có trong danh sách 11 tật xấu đạt trên 50% số phiếu trả lời.

Điều thú vị là có 3 tật xấu được đánh giá rất thống nhất ở cùng một vị trí trong cả hai danh sách. Đó là “Bệnh giả dối, nói không đi đôi với làm”, “Bệnh thành tích” và “Bệnh thiếu ý thức pháp luật”.

Có 81,0% số người tham gia trả lời thừa nhận “Giả dối, nói không đi đôi với làm” là một căn bệnh và 76,4% cho rằng, đây là tật xấu tệ hại nhất cần cấp tốc loại trừ. Căn bệnh này phổ biến đến mức trong số 4.127 người khẳng định rằng, mình “*Luôn sống và làm việc theo đúng pháp luật*” ở câu 9 thì sang đến câu 15, khi được đặt vào tình huống “vi phạm luật giao thông nên bị giữ lại”, có tới 2.832 người trong số họ (chiếm 68,6%) thừa nhận rằng họ thường *năn nỉ để được tha*; 1.942 người (47,1%) *gọi điện nhờ người can thiệp*; và 1.910 người (46,3%) *chi tiền để được đi ngay*.

Bệnh thành tích là một dạng của bệnh giả dối, với

75,1% số người tham gia thừa nhận rằng đây là một căn bệnh của người Việt Nam và 61,8% cho rằng, đây là một trong những tật xấu tệ hại nhất cần cấp tốc loại trừ. Đây là sản phẩm của truyền thống văn hóa âm tính “ưa được nịnh”, “thích được khen” bằng mọi giá. Nó khiến nhiều tổ chức, cá nhân thường tìm cách điều chỉnh kế hoạch, thay đổi thước đo, thay đổi kết quả, đóng kịch, hóa trang... để tạo nên một “thể diện” đẹp. Do bệnh thành tích ở các địa phương mà ngay cả các con số của ngành thống kê cung cấp cũng không đáng tin cậy. Con số thống kê của các tỉnh về tăng trưởng GDP bao giờ cũng gấp đôi con số của Nhà nước. Con số của Nhà nước bao giờ cũng cao hơn con số của các tổ chức quốc tế (như Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng phát triển châu Á) [4]. Kết quả là người Việt Nam thường sống (hoặc bị sống) trong một thế giới ảo do xã hội và (nhiều khi) chính mình tạo ra.

Bệnh thiếu ý thức pháp luật là căn bệnh trầm trọng thứ ba với 68,2% số người tham gia thừa nhận đây là một căn bệnh của người Việt Nam và 59,6% cho rằng, đây là một trong những tật xấu tệ hại nhất cần cấp tốc loại trừ. Căn bệnh này phổ biến đến mức trong số 5.382 người trả lời câu hỏi về cách thức tham gia giao thông, chỉ có 44% khẳng định rằng, mình chưa bao giờ nghĩ đến việc “vượt đèn đỏ/đi ngược chiều/chạy xe trên vỉa hè” hoặc có nghĩ đến nhưng chưa làm, số đông còn lại (56%) thừa nhận rằng mình thường vi phạm ở những mức khác nhau (ít khi - thỉnh thoảng - thường xuyên). Nếu tính đến sự chi phối của bệnh giả dối và bệnh thành tích vừa nêu trên trong việc trả lời thì có thể khẳng định rằng con số này trên thực tế còn cao hơn rất nhiều. Không chỉ người dân vi phạm, mà cả nhiều người thi hành công vụ trong các ngành như công an, tòa án, kiểm sát... cũng vi phạm pháp luật nghiêm trọng qua những hoạt động như nhận hối lộ, ép cung, mớm cung, dùng nhục hình...

Về những phẩm chất tính cách cần bổ sung

Có 5.583 người tham gia trả lời câu hỏi số 26 về những phẩm chất cần được bổ sung trong cuộc sống hiện nay (chọn không hạn chế), kết quả là 15 phẩm chất đạt trên 30% số phiếu trả lời. Bảng 4 giới thiệu 15 phẩm chất này trong sự đối chiếu với các tật xấu và tệ nạn trầm trọng nhất tương ứng (đạt trên 30% số phiếu trả lời) cần loại bỏ.

Bảng 4: 15 phẩm chất tính cách cần bổ sung đối chiếu với những tật xấu và tệ nạn trầm trọng nhất tương ứng cần khắc phục (cả hai >30%; ở câu 26 có 21 lựa chọn, N = 5.583)

Những phẩm chất tính cách cần được bổ sung	% phiếu trả lời	Những tật xấu, tệ nạn trầm trọng nhất	% phiếu trả lời
Ý thức pháp luật	76,7	Bệnh thiếu ý thức pháp luật	68,2
Tính trung thực, thẳng thắn	76,2	Bệnh giả dối, nói không đi với làm Tật ăn cắp vặt	81,0 33,5
Tinh thần trách nhiệm	75,4	Bệnh thành tích Bệnh phong trào Bệnh vô cảm	75,1 49,7 42,0
Bản lĩnh cá nhân	69,6	Thói dựa dẫm Bệnh tự ti, thiếu bản lĩnh, hèn nhát	56,3 32,6
Tính chuyên nghiệp	68,1	Bệnh hình thức	57,0
Tinh thần hợp tác, làm việc nhóm	58,4	Bệnh bè phái, không hợp tác được Bệnh nói xấu sau lưng	52,3 58,2
Tính trọng lẽ công bằng	57,9	Bệnh sống bằng quan hệ	53,6
Tính khoa học	55,9	Bệnh đối phó	59,8
Tinh thần dân chủ	53,2	Bệnh quan liêu, cửa quyền	57,6
Lòng trung thành	49,8	Thói khôn vặt, lấu cá	35,2
Lòng tự trọng	44,9	Bệnh sỹ diện, háo danh; chém gió Bệnh sùng ngoại	55,5 32,7
Tính phân tích, rành mạch	41,3	Tật ham vui, thích “tám”	44,1
Tính nguyên tắc	32,0	Thói tùy tiện	38,1
Tinh thần sẵn sàng từ chức	31,3	Bệnh háms lợi	50,3
Tính dám mạo hiểm	31,1	Bệnh lè mề, chậm chạp	44,0

Điều thú vị là 3 phẩm chất tính cách có sự nhất trí cao nhất hoàn toàn tương ứng với khoảng trống do 3 tật xấu tệ hại nhất tạo ra: *Ý thức pháp luật* (76,7%) sẽ thay thế cho “Bệnh thiếu ý thức pháp luật” (68,2%); *Tính trung thực* (76,2%) sẽ thay thế cho “Bệnh giả dối” (81,0%); *Tinh thần trách nhiệm* (75,4%) sẽ thay thế cho “Bệnh thành tích” (75,1%). Điều thú vị khác là phần lớn các tật xấu, tệ nạn trầm trọng nhất tương ứng với 15 phẩm chất tính cách cần bổ sung cũng đều đạt từ 30% tổng số phiếu trả lời trở lên.

Mô hình đề xuất

Trong 15 giá trị cần bổ sung, có phẩm chất “tính trọng lẽ công bằng” trùng với giá trị “công bằng” đã nói đến ở nhóm giá trị phổ biến được lựa chọn.

Phẩm chất “ý thức pháp luật” có thể thay bằng

“*pháp quyền*” (Rules of Law) như một giá trị phổ biến mà phần lớn các quốc gia dân chủ trong thế giới hiện đại đều chấp nhận².

Phẩm chất “(tinh thần) dân chủ” cũng gắn với loại giá trị phổ biến và là giá trị hàm chứa trong mình cả “độc lập” và “tự do”, bởi lẽ khi đất nước còn bị lệ thuộc, dân chưa có được tự do thì không thể nói đến chuyện dân có quyền làm chủ được. “Dân chủ” hiện đại sẽ thay thế một cách hiệu quả cho truyền thống “dân chủ làng xã” mà một khi phát triển quá đà có nguy cơ dẫn đến bệnh vô chính phủ và chuyển thành phi giá trị.

Với những điều chỉnh vừa nêu, số giá trị phổ biến tăng lên 6; số giá trị truyền thống cần bảo tồn giảm xuống còn 17; và số giá trị tinh hoa nhân loại cần bổ sung giảm xuống còn 12. Phối hợp lại, ta sẽ có một hệ giá trị định hướng cốt lõi toàn diện gồm 35 giá trị (bảng 5).

Bảng 5: hệ giá trị định hướng cốt lõi toàn diện

Tinh thần		Vật chất	
1. Hạnh phúc 2. Dân chủ 3. Công bằng 4. Pháp quyền		5. Việc làm 6. Giàu mạnh	1- GIÁ TRỊ PHỔ BIẾN
Giá trị truyền thống được bảo tồn:		Tinh hoa nhân loại được bổ sung:	2- GIÁ TRỊ ĐẶC THÙ
[I-Tính cộng đồng làng xã]	7. Tinh đoàn kết 8. Tính trọng thể diện 9. Lòng biết ơn 10. Tính tập thể	11. Tinh thần trách nhiệm 12. Bản lĩnh cá nhân 13. Tinh thần hợp tác 14. Lòng tự trọng	2A-Tính cộng đồng xã hội
[II-Tính trọng âm]	15. Tính ưa ổn định 16. Tính bao dung 17. Tính trọng nghĩa tình 18. Sức nhẫn nại 19. Lòng hiếu khách	22. Tinh thần sẵn sàng từ chức 23. Tính dám mạo hiểm	2B- Tính hài hòa thiên về dương tính
[III-Ua hài hòa]	20. Tính lạc quan 21. Tính thực tế		
[IV-Tính kết hợp]	24. Khả năng quan hệ tốt 25. Tính kết hợp	26. Tính chuyên nghiệp 27. Tính khoa học 28. Tính phân tích	2C- Tác phong công nghiệp
[V-Tính linh hoạt]	29. Tính sáng tạo 30. Khả năng thích nghi cao	31. Tính nguyên tắc 32. Lòng trung thành	2D- Tính linh hoạt trong nguyên tắc
[VI- Giá trị tổng hợp I+II]	33. Lòng yêu nước 34. Lòng nhân ái	35. Tính trung thực	2E- Giá trị tổng hợp

²Nguyễn Ái Quốc từng nói đến tư tưởng *pháp quyền* trong yêu sách thứ 7 của “Bản yêu sách” 8 điểm gửi đến Hội nghị hòa bình Paris họp tại Véc-xây năm 1919 và trong hai câu “Bảy xin Hiến pháp ban hành, Trăm điều phải có *thần linh pháp quyền*” ở bài “Việt Nam yêu cầu ca” (chính là “Bản yêu sách” 8 điểm được Nguyễn Ái Quốc chuyển thể thành thơ lục bát) vào năm 1922. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) khẳng định mục tiêu “xây dựng Nhà nước pháp quyền”; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (năm 1996) điều chỉnh là “xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN”.

Để đưa hệ giá trị định hướng cốt lõi này vào đời sống, trong từng giai đoạn, cần chọn ra một số giá trị cấp bách cần nhấn mạnh làm mục tiêu cụ thể, gọi là *hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm*. Số lượng các giá trị cấp bách đưa vào hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm cần chọn ở mức vừa phải để đảm bảo dễ nhớ và dễ vận dụng.

Trong giai đoạn 20 năm tới (2015-2035), căn cứ vào kết quả điều tra và vào nhu cầu thực tế của xã hội trong việc khắc phục những tệ nạn và những thói xấu trầm trọng, ta có thể chọn ra 5 cặp giá trị để làm mục tiêu cụ thể cần tập trung nhấn mạnh. Các giá trị này đều là những giá trị có tỷ lệ % lựa chọn cao và được trình bày trong bảng 6 và hình 1.

Bảng 6: hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm trong giai đoạn hiện nay

Loại giá trị		Giá trị	%
Giá trị xã hội		Dân chủ	53,2
		Pháp quyền	76,7
Giá trị con người	Truyền thống	Nhân ái	61,9
		Yêu nước	70,8
	Thời hội nhập	Trung thực	76,2
		Bản lĩnh	69,6
	Trong quan hệ với đồng loại	Trách nhiệm	75,4
		Hợp tác	58,4
	Thời đại công nghiệp và kinh tế tri thức	Tính khoa học	55,9
		Sáng tạo	40,8



Hình 1: mô hình 10 giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm trong giai đoạn hiện nay

Bên cạnh những giá trị truyền thống được bảo tồn, 5 cặp giá trị này nếu được hiện thực hóa sẽ là cần và đủ để tạo nên con người Việt Nam mới đáp ứng những yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Về mặt xã hội, hai giá trị *dân chủ* và *pháp quyền* có liên quan chặt chẽ với nhau. Dân chủ là cách tổ chức xã hội từ dưới lên, có dân chủ thì sẽ đảm bảo được sự *công bằng, bình đẳng*, đảm bảo được các quyền *tự do* cơ bản và *quyền con người*. Dân chủ là cơ sở để thực hiện pháp quyền. Pháp quyền là cách tổ chức xã hội từ trên xuống. Một nền pháp quyền đầy đủ sẽ là công cụ hữu hiệu để thực thi dân chủ, khắc phục hiệu quả nạn tham nhũng, khôi phục niềm tin của nhân dân.

Nhân ái và *Yêu nước* là hai giá trị con người truyền thống điển hình. Lòng nhân ái là truyền thống lâu đời của người Việt nay đang có nguy cơ phai nhạt. Phát huy giá trị “nhân ái” là để loại trừ hàng loạt tật xấu và khôi phục *lòng tử tế* vốn có trong mỗi con người, khuyến khích những *việc làm tử tế, lối sống tử tế*. Yêu nước là phẩm chất đứng đầu trong các giá trị truyền thống của người Việt (70,8%). Yêu nước không chỉ thể hiện trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền đất nước, mà phải thể hiện trong cả cuộc sống hàng ngày, phải khắc phục tật xấu mỗi khi nguy cơ đe dọa sự tồn vong chung qua đi là người Việt lại có khuynh hướng quay lưng lại với nhau.

Trong thời *hội nhập*, con người *trung thực* sẽ không còn gian dối, không ăn cắp vặt. Con người có *bản lĩnh* sẽ không tự ti, không dựa dẫm vào người khác, không a dua theo đám đông, mà ngược lại sẽ dám nghĩ dám làm, dám làm dám chịu.

Trong quan hệ với đồng loại, con người có tinh thần *trách nhiệm* sẽ không còn chạy theo thành tích, chạy theo phong trào, vô cảm trước mọi sai trái, mà sẽ dũng cảm hành xử theo lẽ phải, tự giác hoàn thành tốt công việc của mình. Con người có tinh thần *hợp tác* sẽ không còn nói xấu sau lưng để “đim hàng” người khác, sẽ sẵn sàng gạt bỏ cái tôi

cá nhân để liên kết, phối hợp ăn ý với đồng nghiệp trong công việc và với những người không quen biết trong hoạt động xã hội.

Trong thời đại công nghiệp và kinh tế tri thức, con người có *tính khoa học* sẽ không còn làm việc theo kiểu đối phó mà làm gì cũng suy nghĩ và hành động một cách hợp lý, logic, bài bản. Cùng với tính khoa học cần phát huy *tính sáng tạo*. Nhờ linh hoạt mà người Việt truyền thống đã rất sáng tạo, nhưng sự sáng tạo ấy thiên về biến báo, gắn liền với tật xấu khôn vặt, láu cá. Để nâng lên mức sáng tạo một cách bài bản ở tầm phát minh, cần xây dựng một môi trường sống và làm việc thoát khỏi mọi sự cảm tính, hời hợt, tùy tiện, đối phó. Đó là lý do vì sao những người Việt tài năng, dù trong lĩnh vực nghệ thuật như Đặng Thái Sơn hay khoa học như Ngô Bảo Châu (và nhiều người khác), đều chỉ đạt được thành công vang dội khi đã ra khỏi môi trường Việt Nam.

Thay lời kết

Để phát triển đất nước, trên cơ sở hệ giá trị thực tế (truyền thống và hiện tại), cần xác định được hệ giá trị định hướng. *Hệ giá trị định hướng cốt lõi* bao gồm các giá trị truyền thống cơ bản cần bảo tồn và các giá trị tinh hoa nhân loại cơ bản cần bổ sung. Chúng sẽ giúp khắc phục những thói hư tật xấu cơ bản ở con người và các tệ nạn chủ yếu trong xã hội, sẽ đảm bảo cho đất nước Việt Nam phát triển một cách bền vững.

Hệ giá trị định hướng cốt lõi và các giá trị định hướng đề xuất ở đây hoàn toàn đáp ứng 3 tiêu chuẩn của một hệ giá trị định hướng cốt lõi và 3 tiêu chuẩn cho một giá trị định hướng; hệ thống các giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm trong giai đoạn hiện nay được chọn phù hợp với 5 kinh nghiệm trong việc xây dựng hệ giá trị định hướng cốt lõi của các quốc gia khác mà chúng tôi đã rút ra [5].

Cần lưu ý rằng, giá trị là một hệ thống, các giá trị cá nhân về tính cách và tác phong có liên quan mật thiết với nhau. Một khi cùng được coi trọng và thực

thì, chúng sẽ hỗ trợ cho nhau, cộng hưởng với nhau. Cũng bởi vậy mà các giá trị cá nhân chỉ có thể phát huy được trong điều kiện có các *giá trị xã hội* phù hợp tương ứng.

Tài liệu tham khảo

[1] Human Values (1998), *Human Values and Beliefs: A Cross-cultural Sourcebook: Political, Religious, Sexual, and Economic Norms in 43 Societies: Findings from the 1990-1993 World Value Survey*, Ronald Inglehart, Miguel Basáñez, Alejandro Menéndez Moreno - University of Michigan Press, p.534.

[2] Lê Hữu Tăng (2008), “Một số vấn đề lý luận và thực

tiễn xung quanh việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, **số 1 (200)**, http://chungta.com/nd/luan-ly/ly_luan_va_thuc_tien_cong_bang_xa_hoi_viet_nam/default.aspx.

[3] Vũ Hữu Ngoạn (2010), “Về mục tiêu 'dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh'”, <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-vn/61/43/tap-chi-quoc-phong-toan-dan/ve-muc-tieu-dan-giau-nuoc-manh-xa-hoi-cong-bang-dan-chu-van-minh/100356.html>.

[4] Anh Vũ (2013), “Số liệu thống kê của Việt Nam có đáng tin cậy hay không?”, http://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/static-trust-or-not-11192013061851.html.

[5] Trần Ngọc Thêm (cb 2014), *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 527 tr, tr 13-32.